

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/BB-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2023.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Sông Đà 5 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:
  - 1.1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022:
    - Tổng giá trị SXKD: 2.004,29 /KH 1.265,00 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch năm.
    - Tổng doanh thu: 1.848,72 /KH 1.033,00 tỷ đồng, đạt 179% kế hoạch năm.
    - Lợi nhuận trước thuế: 26,00/KH 37,00 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch năm.
    - Lợi nhuận sau thuế: 17,44/KH 29,60 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch năm.
    - Nộp Ngân sách: 25,61/KH 21,42 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch năm.
    - Tổng tài sản: 1.762,54/KH 1.533,74 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch năm.
    - Thu nhập bình quân: 13,40/KH 13,43 triệu đồng/người/tháng, đạt 100% kế hoạch năm.
    - Cổ tức: 6%/KH 10%, đạt 60% kế hoạch năm.
  - 1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với những chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ SXKD	10 <sup>9</sup> đ	1.347,77	
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
I	Doanh số bán hàng (1+2)	10 <sup>9</sup> đ	1.537,54	
1	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	1.501,79	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 <sup>9</sup> đ	35,75	
II	Lợi nhuận			





1	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	25,90	
2	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	20,72	
3	Cổ tức dự kiến	%	7%	
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>477,50</b>	
a	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	259,99	
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	166,82	
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 <sup>9</sup> đ	143,06	
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 <sup>9</sup> đ	43,13	
d	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	10,60	
e	Lợi nhuận chưa phân phối	10 <sup>9</sup> đ	20,72	
<b>IV</b>	<b>Tổng tài sản cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.700,66</b>	
<b>V</b>	<b>Nợ phải trả cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.223,16</b>	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,70	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,56	

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
4. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023: Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 5 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 bao gồm: Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG), Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte); Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C (A&C); Công ty TNHH kiểm toán AASC; Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY (UHY).
5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán: Như nội dung báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2022</b>		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	26.000.180.163	
2	Thuế TNDN hiện hành	8.561.459.177	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	17.438.720.986	
4	Lợi nhuận phục vụ phân phối	17.438.720.986	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>17.438.720.986</b>	
1	Quỹ đầu tư phát triển		
2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.838.812.186	



TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
-	Quỹ khen thưởng	551.643.656	30%
-	Quỹ phúc lợi	1.287.168.530	70%
3	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2022 (tỷ lệ 6% Vốn điều lệ)	15.599.908.800	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	-	

7. Thông qua việc quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2022 và phương án chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023.
- a. Tổng mức chi trả năm 2022 là 1.020.000.000 đồng/KH 1.020.000.000 đồng đạt 100% kế hoạch. Mức chi trả thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty được thực hiện nghiêm túc theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- b. Kế hoạch chi trả năm 2023:

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao/tháng/người	Mức lương/tháng/người
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		50.000.000
2	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	12.000.000	
3	Thành viên HĐQT	7.000.000	
4	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		30.000.000
5	Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000	
6	Thư ký Công ty	5.000.000	

8. Thông qua nội dung miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:
- a. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Trần Anh Đức.
- b. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị: Ông Lê Văn Tuấn, Sinh năm:1970, Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 5 thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5 triển khai, thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 5 và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Quyết nghị thực hiện./.



